TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13/03/2026
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngát, ông Phạm Xuân Hùng
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2025/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Chu Thị D, sinh năm 1981. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số căn cước: 02418102406.

- *Bị đơn:* anh Hoàng Văn P, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Số căn cước: 024081024291

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Chu Thị D trình bày: Chị và anh Hoàng Văn P kết hôn với nhau năm 2002, trước khi kết hôn, chị và anh P có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Y, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, chị D về chung sống với anh P ngay tại thôn Đ, xã Y. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, chị và anh P đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn P.
Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh P có 02 con chung là Hoàng Thị T, sinh năm 2005 và Hoàng Thị T1, sinh năm 2001. Hiện hai con đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.
Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có

Chứng cứ chị D đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao căn cước công dân; 02 bản sao Giấy khai sinh; 02 Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú; 01 phiếu gửi bưu điện

Tại bản tự khai ngày 29/12/2025, anh Hoàng Văn P trình bày: anh và chị Chu Thị D kết hôn với nhau năm 2000, trước khi kết hôn, anh và chị D có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S (nay là xã Y, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, chị D về chung sống với tôi ngay tại thôn Đ, xã Y. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nên thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hiện nay anh và chị D đang làm công nhân tại Công ty H, địa chỉ: Khu Công nghiệp Q - Bắc Ninh, hai vợ chồng vẫn sống cùng nhau tại nhà trọ. Do vậy, anh vẫn còn tình cảm với chị D nên chị D đề nghị Ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị D có 02 con chung là cháu Hoàng Thị T1, sinh ngày 20/5/2001, hiện nay đã lấy chồng, có gia đình riêng và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 18/7/2005, cháu cũng đã trưởng thành. Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P đến hòa giải nhưng anh P không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sử đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cho chị Chu Thị D và anh Hoàng Văn P được ly hôn.

Về con chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị Chu Thị D vắng mặt những đã có đơn xin vắng mặt, anh Hoàng Văn P vắng mặt lần thứ hai không có ý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đương sự đều cư trú tại xã Y, tỉnh Bắc Ninh, chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sử đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự.

[3] Về Nội dung: chị Chu Thị D và anh Hoàng Văn P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S (nay là xã Y, tỉnh Bắc Ninh) ngày 20/12/2002. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị D, Hội đồng xét xử thấy: chị D xác định vợ chồng mâu thuẫn, tuy vẫn sống cùng nhà trọ nhưng ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh P. Anh P có biết việc chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng không nhất trí ly hôn với chị D nhưng lại không đến Tòa tham gia phiên hòa giải chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D1 anh P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn anh P là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Các con của anh P và chị D đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Do chị D thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Chu Thị D. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sử đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự ; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị D: Cho chị Chu Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Chu Thị D.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND xã Yên Định, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiếu